

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EAKAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 30/09/2021.

“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Nik Êban.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Y Kăn Niê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/09/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Toà án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 444/2020/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2020. Về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 27 tháng 08 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 09 năm 2021.

Giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

**\*Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (*Vắng mặt*)

**NHẬN THẤY**

**\*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị X trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ông Nguyễn Văn D trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H vào ngày 13/07/1999.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông Nguyễn Văn D nhiều lần chửi bới, xúc phạm tôi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Vợ chồng chúng tôi cũng đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay. Hai vợ chồng không liên lạc, quan tâm hay chăm sóc gì nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/02/2002.

Nguyện vọng về con chung: Hiện nay con chung đã thành niên nên cháu muốn ở với bố hoặc ở với mẹ là do cháu tự quyết định nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Nguyễn Văn D không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ vào các Điều 70, 72, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn D. Và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện EaKar cũng đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị X tại chính quyền địa phương. Ban tự quản Tổ dân phố A, thị trấn E xác định: Ông Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu tại Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ và hiện nay thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương, khoảng một đến hai tháng ông D mới về thăm nhà, thăm vợ con một vài lần. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà X với D thì theo chính quyền địa phương được biết là do ông D làm ăn thua lỗ, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tin tưởng nhau, lâu ngày tình cảm rạn nứt không hàn gắn được.

Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/09/2021, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Ngoài ra, bà X không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

***Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ

của các đương sự được quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông D với bà X đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay, các bên không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

- Về con chung: Bà X và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/02/2002, hiện nay cháu L đã thành niên, nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, đề ngày 06/11/2020, Tòa án nhân dân huyện E xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện EaKar đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 27 tháng 08 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 09 năm 2021 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu mà đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thì các giấy như Giấy chứng minh nhân dân, được Công an tỉnh Đ cấp ngày 13/6/2014; sổ hộ khẩu số 02 mang tên chủ hộ ông Nguyễn Văn D và Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thành L đều thể hiện ông Nguyễn Văn D sinh năm 1966 nhưng trong giấy “Chứng nhận kết hôn”, ngày 13/7/1999 của UBND xã T, huyện K, tỉnh H giữa bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D, lại thể hiện năm sinh của ông D là 1969. Ngày 25/02/2021, Tòa án nhân dân huyện EaKar có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ yêu cầu Tòa án huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xác minh tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H với nội dung: Vào ngày 13/7/1999, giữa bà X với ông D có làm thủ tục đăng ký kết hôn hay không? Có phải ông Nguyễn Văn D sinh năm 1969 tại giấy “Chứng nhận kết hôn” và ông Nguyễn Văn D sinh năm 1966 tại các giấy tờ tùy thân khác là cùng một người hay không? Tuy nhiên, tại biên bản xác minh, ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân huyện Kim Động xác định UBND xã T không có căn cứ để xác nhận ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966 là cùng một người đã làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà X.

Tại Kết luận giám định số: 46/KLGD-PC09, ngày 28/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký dưới mục “Chữ ký người chồng” trong giấy “**CHÚNG NHẬN KẾT HÔN**”, ngày 13/7/1999 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn D trong các tài liệu mẫu so sánh Tòa án thu thập **là do cùng một người ký ra.**

Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D kết hôn vào năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần, vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được nữa. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay, hai vợ chồng không liên lạc, không hề quan tâm hay chăm sóc gì đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

[4] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/02/2002, hiện nay cháu L đã thành niên, cháu L muốn ở với mẹ hay ở với bố là do cháu tự quyết định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và công nợ*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1977 được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar, theo biên lai thu án phí số AA/2019/0011576, ngày 12/11/2020.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X; bị đơn ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Nhã Phương**